

BÁO CÁO

Công tác năm 2022 và chương trình công tác năm 2023 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Thực hiện Chương trình công tác năm 2022, Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh (viết tắt là Ban) báo cáo tình hình hoạt động của Ban năm 2022 và chương trình công tác năm 2023, như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Tham gia tiếp xúc cử tri

Các Ủy viên của Ban đã tham gia đầy đủ các Hội nghị tiếp xúc cử tri tại địa bàn ứng cử để thông báo với cử tri nội dung, thời gian, địa điểm các kỳ họp hoặc kết quả các kỳ họp và kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh; thông báo kết quả trả lời, giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; lắng nghe, tiếp thu, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri phản ảnh tại Hội nghị⁽¹⁾.

2. Tham gia các kỳ họp của HĐND tỉnh

Trước các kỳ họp, các Ủy viên của Ban đã tích cực nghiên cứu, chuẩn bị nội dung theo trách nhiệm của người đại biểu; tham gia thảo luận tại các Tổ đại biểu; tham gia cùng với các ban thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp; giám sát việc trả lời, giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Các Ủy viên của Ban, tích cực chuẩn bị nội dung, tham dự đầy đủ các Kỳ họp thứ 3 và 04, Kỳ họp chuyên đề tháng 04, tháng 06, tháng 08, tháng 11 Khóa XII; tham gia giám sát, thẩm tra, xem xét các nội dung báo cáo, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp; tham gia ý kiến, thảo luận, chất vấn, có tinh thần trách nhiệm cao đối với việc quyết định các vấn đề quan trọng tại kỳ họp; hoàn thành tốt các công việc do Thường trực HĐND tỉnh, chủ tọa kỳ họp phân công.

Sau các kỳ họp, các Ủy viên của Ban tích cực tuyên truyền, vận động, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh.

3. Hoạt động giám sát, khảo sát chuyên đề

Thực hiện chương trình giám sát năm 2022, Ban đã tiến hành giám sát 02 chuyên đề và khảo sát 01 chuyên đề về lĩnh vực dân tộc. Kết quả như sau:

3.1. Kết quả giám sát việc hỗ trợ tái định cư cho người dân (vùng đồng bào dân tộc thiểu số) có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, sạt lở giai đoạn

¹ TXCT sau Kỳ họp thứ 2 Khóa XII; trước và sau Kỳ họp thứ 3 Khóa XII; trước Kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh Khóa XII;

2016-2020 thuộc nhóm đối tượng 1 tại Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về phê duyệt quy hoạch tổng thể bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến 2025.

- Trên cơ sở Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt quy hoạch tổng thể bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến 2025 và giao Sở NN&PTNT tỉnh là cơ quan chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan, các địa phương triển khai thực hiện.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 số hộ dân được quy hoạch bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai, sạt lở theo Quyết định số 882/QĐ-UBND là **1.056** hộ với **4.429** khẩu tại các điểm dân cư theo quy hoạch⁽²⁾. Tổng nhu cầu vốn đầu tư là **141.738** triệu đồng.

Qua giám sát thực tế tại các điểm đã được bố trí dân cư vùng thiên tai, sạt lở; giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp tại các địa phương trên địa bàn tỉnh, trong giai đoạn 2016-2020 đã bố trí cho **389** hộ với **1.613** khẩu tại **08** điểm dân cư⁽³⁾, đạt **36,84%** so với kế hoạch tổng thể (*trong đó có huyện Đăk Gie đã thực hiện 258 hộ của giai đoạn 2021-2025*). Tổng kinh phí thực hiện là 37.507 triệu đồng⁽⁴⁾. Cụ thể đã đầu tư các hạng mục về cơ sở hạ tầng như: San ủi mặt bằng là 03 công trình, với tổng số vốn đầu tư là 11.584 triệu đồng; Điện sinh hoạt là 03 công trình với tổng số vốn đầu tư là 2.821 triệu đồng; Nước sinh hoạt (*chỉ tính công trình cấp nước tập trung*) là 04 công trình, tổng số người được cấp nước sinh hoạt là 838 người với tổng số vốn đầu tư là 3.140 triệu đồng; Giao thông là 04 công trình, với tổng số vốn đầu tư là 11.330 triệu đồng; Nhà sinh hoạt cộng đồng là 04 công trình, với tổng số vốn đầu tư là 2.142 triệu đồng; Sân thể thao là 01 công trình, với tổng số vốn đầu tư là 30 triệu đồng. Qua giám sát thực tế tại các công trình hiện nay đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 100%. Kinh phí hỗ trợ làm nhà cho các hộ dân là 6.460 triệu đồng⁽⁵⁾.

Ngoài ra có triển khai thực hiện việc bố trí di dời khẩn cấp cho 417 hộ với 1.547 khẩu tại vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, sạt lở giai đoạn 2016-2020 (*ngoài quy hoạch tổng thể tại Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Kon Tum*). Trong đó hình thức bố trí⁽⁶⁾ sắp xếp phù hợp với địa hình của các địa phương trong tỉnh. Tổng kinh phí thực hiện là 109.799 triệu

⁽²⁾ Xen ghép là 502 hộ với 2.142 khẩu; Tập trung là 446 hộ với 1.882 khẩu, bố trí tại 10 điểm tái định cư; Ổn định tại chỗ là 108 hộ với 405 khẩu.

⁽³⁾ Trong đó: Bố trí xen ghép là 40 hộ với 182 khẩu được bố trí tại 02 điểm dân cư; Tập trung là 181 hộ với 755 khẩu được bố trí tại 03 điểm dân cư; Ổn định tại chỗ là 168 hộ, với 676 khẩu được bố trí tại 03 điểm dân cư.

⁽⁴⁾Trong đó: nguồn vốn Trung ương là 36.287 triệu đồng; ngân sách địa phương là 1.220 triệu đồng, các nguồn vốn hợp pháp khác là 0 triệu đồng.

⁽⁵⁾Nguồn vốn hỗ trợ cho các hộ được bố trí xen ghép và bố trí tập trung là 20 triệu đồng/hộ; ổn định tại chỗ là 10 triệu đồng/hộ.

⁽⁶⁾ Trong đó: Bố trí xen ghép là 60 hộ với 212 khẩu được bố trí tại 07 điểm dân cư; Tập trung là 349 hộ với 1.309 khẩu được bố trí tại 06 điểm dân cư; Ổn định tại chỗ là 8 hộ, với 26 khẩu được bố trí tại 02 điểm dân cư.

đồng⁽⁷⁾. Qua giám sát thực tế tại các công trình hiện nay đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 100%.

Tuy nhiên, ngoài những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế và khó khăn như: Việc bố trí kinh phí về cho các địa phương để thực hiện kế hoạch quy hoạch tổng thể di dời theo Quyết định số 882/QĐ-UBND còn hạn chế; Công tác tuyên truyền, vận động người dân đến nơi ở mới còn gặp nhiều khó khăn; một số hộ dân đã nhận tiền và nhận đất hỗ trợ tái định cư nhưng vẫn chưa thực hiện di dời⁽⁸⁾. Việc quy hoạch tổng thể các khu tái định cư, đa số địa bàn các huyện có địa hình phức tạp khi mưa, bão xảy ra, tình trạng sạt lở cao, cơ sở hạ tầng còn yếu kém chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển và đời sống của người dân, quỹ đất còn ít nên việc bố trí tái định cư cho các hộ dân gặp nhiều khó khăn (*địa hình phức tạp, thiếu mặt bằng, thiếu đất sản xuất, nguồn kinh phí thực hiện lớn...*). Việc rà soát, khảo sát vị trí để quy hoạch bố trí dân cư còn nhiều hạn chế dẫn đến tình trạng người dân khi chuyển đến khu tái định cư mới được một thời gian ngắn tiếp tục gặp nguy cơ sạt lở cao; Công tác đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân tại khu tái định cư vẫn còn chậm⁽⁹⁾; Tỷ lệ nghèo của hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở các khu, điểm tái định cư bình quân vẫn ở mức cao hơn mức bình quân chung của các hộ dân tộc thiểu số tại địa bàn. Việc tái định cư chưa đáp ứng được nhu cầu về bảo tồn, duy trì bản sắc văn hóa và phong tục truyền thống; yếu kém trong xử lý ô nhiễm môi trường sống tại các khu, điểm tái định cư; ý thức của người dân còn hạn chế về việc bảo quản các công trình sau khi hoàn thành, đưa vào sử dụng⁽¹⁰⁾; Các chính sách hỗ trợ cho người dân phát triển sinh kế và sau tái định cư còn chưa hiệu quả.

Kết thúc giám sát, Ban đã đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra những khó khăn, hạn chế, xác định nguyên nhân và kiến nghị, đề xuất một số giải pháp đối với các Bộ ngành Trung ương, UBND tỉnh nhằm thực hiện tốt hơn nữa chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tốt hơn trong thời gian đến.

3.2. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 44/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

Trên cơ sở Nghị quyết 44/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh về quy định một số nội dung và mức chi thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, việc hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo được lồng ghép với việc thực hiện các chính sách khác, gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Một số mô hình bước đầu đã phát huy hiệu quả, góp phần chuyển đổi nhận thức của người dân, nhiều hộ đã vươn lên thoát nghèo. Các quy trình, tiến độ triển khai, lập danh sách các hộ được hỗ trợ của chủ đầu tư được thực hiện theo đúng quy trình, quy định⁽¹¹⁾. Các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển

⁽⁷⁾Trong đó: nguồn vốn Trung ương là 31.542 triệu đồng; ngân sách địa phương là 76.239 triệu đồng, các nguồn vốn hợp pháp khác là 2.018 triệu đồng.

⁽⁸⁾ thôn Chung Năng (*huyện Đăk Glei*) chỉ có 25/65 di dời về khu tái định cư.

⁽⁹⁾ Các huyện: Kon Plong, Đăk Glei, Sa Thầy, Ia Hdray, Tu Mơ Rông.

⁽¹⁰⁾ thôn Đăk Lâng (*Xã Đăk Rìng, huyện Kon Plong*); Làng Rê (*xã Mo Rai, huyện Sa Thầy*); thôn Chung Năng (*huyện Đăk Glei*) đa số đều chưa có nhà vệ sinh.

¹¹ Tại Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về

khai thực hiện kịp thời các Dự án khi được phân bổ vốn, không để chậm trễ hay phải chuyển nguồn vốn sang năm sau. Việc lập danh sách các hộ được hỗ trợ là các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được các địa phương triển khai nhanh và chính xác, kịp thời.

Tổng kinh phí được phê duyệt để triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế là **151.640** triệu đồng⁽¹²⁾ hỗ trợ cho **23.265** hộ⁽¹³⁾. Kết quả thực hiện giai đoạn 2018-2020 UBND tỉnh đã chỉ đạo cho các sở, ban ngành của tỉnh xây dựng, tổ chức và triển khai thực hiện với tổng **686** dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cho **25.669** hộ tham gia (*tăng 2.404 hộ so với Kế hoạch đã được phê duyệt*) với tổng kinh phí thực hiện là **158.818** triệu đồng, đạt 104,7% so với tổng kinh phí đã được phê duyệt. Sau 3 năm triển khai thực hiện các dự án đã giúp cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo ổn định đời sống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống của người dân

Qua giám sát cho thấy, hiện nay có 4/10 huyện, thành phố⁽¹⁴⁾ đã tiến hành thu hồi vốn với tổng số vốn đã thu hồi được là **2.037** triệu đồng. Ngoài ra huyện Sa Thầy thu hồi vốn ngoài chương trình 30a và 135 là 25 triệu đồng. Huyện Đăk Tô thu hồi bằng hiện vật (*hom mì*) với trị giá quy bằng tiền mặt trên 60 triệu đồng; huyện Kon Rẫy thu hồi bằng hiện vật (*hom mì với số lượng là: 2.500 hom luân chuyển cho 40 hộ khác*). 2/10 huyện, thành phố⁽¹⁵⁾ có ban hành Quyết định thu hồi vốn giai đoạn 2018-2020 (*theo văn bản 234/UBND-KGVX ngày 29/01/2019 của UBND tỉnh Kon Tum*). Việc quay vòng vốn trong giai đoạn 2018-2020 được thực hiện tại 01 xã Pờ Ê, huyện Kon Plông hiện nay đã quay vòng được vốn với tổng số tiền đã thực hiện là **21,6** triệu đồng.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đã được các sở ngành quan tâm tổ chức thực hiện⁽¹⁶⁾. Nội dung thanh tra, kiểm tra, giám sát tập trung chủ yếu là thanh tra, kiểm tra, giám sát về lập hồ sơ, thủ tục pháp lý và đi xác minh thực tế các đối tượng đã được hỗ trợ tại các thôn về phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình.

Tuy nhiên, vẫn có một số hạn chế như: Đến nay đã kết thúc giai đoạn 2018-2020 nhưng UBND tỉnh và các địa phương vẫn chưa đánh giá được kết quả, tỷ lệ hộ nghèo tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất từ năm 2018 đến năm 2020 đến nay đã thoát nghèo đạt bao nhiêu hộ, chiếm tỷ lệ %; Kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững, việc thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ và hiệu quả sử dụng nguồn lực

hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

¹² Trong đó: Ngân sách Nhà nước là 130.169 triệu đồng; vốn dân tham gia đóng góp là 21.017 triệu đồng; lồng ghép các vốn khác là 58 triệu đồng.

¹³ Trong đó: 19.477 hộ là hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập; 3.032 hộ cận nghèo/ngheo theo tiêu chí mức độ thiếu hụt và 747 hộ mới được thoát nghèo; 09 hộ không nghèo.

¹⁴ Các huyện, thành phố đã thu hồi được vốn: Kon Plông thu hồi được 364,890 triệu đồng ; huyện Ia H'drai thu hồi được 1.087 triệu đồng; huyện Đăk Tô thu hồi được 497,53 triệu đồng; thành phố Kon Tum thu hồi được 88,4 triệu đồng.

¹⁵ Huyện Kon Rẫy và huyện Tu Mơ Rông.

¹⁶ Thanh tra, kiểm tra hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135, 30a trên địa bàn tỉnh là 15 lượt (*trong đó: Ban Dân tộc tỉnh tổ chức được 08 đợt thanh tra; Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tổ chức 04 đợt kiểm tra liên ngành và 03 đợt thanh tra*).

hàng năm chưa phù hợp với thực tế¹⁷; Chưa thực sự quan tâm đến đổi mới mô hình sản xuất nhằm tạo điều kiện ổn định thu nhập, sinh kế cho người dân theo hướng phát triển và bền vững¹⁸. Một số dự án, mô hình còn nhỏ lẻ chưa đáp ứng được nhu cầu, điều kiện sản xuất, thể mạnh của từng vùng¹⁹; Một số địa phương thiếu trách nhiệm trong việc phối hợp, nắm bắt việc triển khai hỗ trợ của dự án trên địa bàn⁽²⁰⁾; Việc triển khai, thực hiện dự án còn dàn trải chưa tập trung để thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế hộ gia đình⁽²¹⁾; Các dự án được hỗ trợ đã đến thời kỳ thu hồi vốn, luân chuyển nguồn vốn nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi và luân chuyển được vốn tại các địa phương⁽²²⁾. Chưa có đơn vị nào xây dựng được quy chế quản lý, sử dụng vốn để quay vòng; Việc rà soát, xử lý rủi ro cho người dân không được chính quyền địa phương cơ sở quan tâm thực hiện (*kể cả đơn vị xã làm chủ đầu tư và đơn vị xã không làm chủ đầu tư*).

Bên cạnh đó công tác phối hợp giữa UBND các huyện và các sở ngành tỉnh, giữa các cơ quan chuyên môn cấp huyện và các xã; giữa xã và các thôn thực hiện dự án; giữa các chủ đầu tư dự án với chính quyền địa phương và các hộ được hỗ trợ phát triển sản xuất chưa được chặt chẽ, chưa kịp thời để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong triển khai thực hiện dự án; Công tác kiểm tra, giám sát hiệu quả của các mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của các sở ngành, của các chủ đầu tư chưa thường xuyên nên việc đánh giá chất lượng hiệu quả mô hình không sát với thực tế.

Kết thúc giám sát, Ban đã đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, xác định nguyên nhân và kiến nghị, đề xuất một số giải pháp đối với UBND tỉnh chỉ đạo đánh giá rút kinh nghiệm việc hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong giai đoạn 2016 - 2020, có giải pháp thực hiện tốt hơn trong giai đoạn 2021-2025.

3.3. Kết quả khảo sát việc triển khai thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật và truyền thông về trợ giúp pháp lý cho hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số theo Khoản 3 Điều 3 Quyết định 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp thường xuyên lồng ghép phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật liên quan đến người đồng bào DTTS trong tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ công chức Tư pháp cấp huyện, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, hòa giải viên ở cơ sở, tuyên truyền viên pháp luật và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn

¹⁷ Tại xã Đăk Tờ Lùng huyện Kon Rẫy triển khai dự án khi cấp giống bò cho người dân năm 2018 các hộ dân tham gia dự án ký giấy thoát nghèo luôn trong năm.

¹⁸ Các xã huyện Kon Plông, các xã huyện Tu Mơ Rông (trồng đấng sâm, sâm đương quy... thu hoạch xong không tái sản xuất.

¹⁹ Tại xã Đăk Na huyện Tu Mơ Rông; xã Đăk Kôi, Đăk pne; xã Đăk Tờ re huyện Kon Rẫy.

²⁰ Chưa thực hiện phương án thu hồi vốn nhưng báo cáo là khó khăn trong việc thu hồi vốn tại các xã huyện Kon Plông; các xã huyện Tu Mơ Rông, các xã huyện Sa Thầy, các xã huyện Kon Rẫy; các xã huyện Ia H'Dai

²¹ Tại xã Đăk Na, Đăk Hà huyện Tu Mơ Rông; xã Măng Cành, Đăk Tăng- huyện Kon Plông, ...

²² Các huyện: Sa Thầy, Tu Mơ Rông, Kon Rẫy, Đăk Glei, Đăk Hà, Ngọc Hồi và các dự án do Sở Nông nghiệp làm chủ đầu tư....

ình⁽²³⁾; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum tăng cường phổ biến, giới thiệu các văn bản pháp luật; xây dựng hỏi - đáp pháp luật, trong đó chú trọng các nội dung cho đồng bào dân tộc thiểu số thông qua Chuyên mục, Chuyên trang...; đẩy mạnh đăng tải trên Trang Thông tin điện tử với nhiều tin, bài phản ánh đời sống kinh tế chính trị - xã hội, phản ánh thực trạng thi hành pháp luật, vi phạm pháp luật, giới thiệu văn bản, chính sách mới, đặc biệt là các quy định liên quan đến người nghèo, đồng bào DTTS. Thường xuyên cung cấp tài liệu, cử báo cáo viên pháp luật tham gia báo cáo tại các Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về công tác biên giới, lĩnh vực hôn nhân và gia đình, hòa giải ở cơ sở... tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới cho người có uy tín trong đồng bào DTTS theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh tỉnh⁽²⁴⁾.

Kết quả xây dựng, phát chuyên trang, chuyên mục về trợ giúp pháp lý bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc trên Đài Truyền thanh được 520 chương trình (*260 chương trình BaNar và 260 chương trình Xê Đăng*), mỗi tuần một chương trình với thời lượng từ 7 đến 10 phút phát tối thứ bảy và chủ nhật; tổng kinh phí thực hiện là 39 triệu đồng; Tổ chức các đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý ở cơ sở cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các thôn làng thuộc các xã nghèo và 02 huyện nghèo của tỉnh là 114 đợt trợ giúp pháp lý với 12.811 lượt người tham gia; biên soạn, in ấn, phát hành miễn phí 125.000 tờ gấp về trợ giúp pháp lý; đặt 25 bảng thông tin về trợ giúp pháp lý tại trụ sở UBND các xã nghèo; Thực hiện trợ giúp pháp lý cho 1.565 lượt người, tư vấn pháp luật cho 1.493 vụ việc.

Tuy nhiên, hiện nay công tác TGPL chưa phủ sóng đến toàn bộ đối tượng cần TGPL, đặc biệt là ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn; Công tác lãnh chỉ đạo, điều hành của một số cấp uỷ, chính quyền cơ sở còn thiếu tập trung, chưa quan tâm đúng mức đối với công tác TGPL; Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện TGPL cho người đồng bào DTTS chưa kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn để có những chính sách, giải pháp phù hợp và hiệu quả; Chưa xây dựng và phát chuyên trang, chuyên mục bằng tiếng dân tộc trên đài Truyền thanh của huyện, xã; hiện nay số lượng trợ giúp viên pháp lý còn ít, năng lực cán bộ để triển khai thực hiện trợ giúp pháp lý cho đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế; chưa triển khai thiết lập đường dây nóng TGPL cấp tỉnh; kinh phí cho hoạt động cấp tỉnh vẫn còn hạn chế, các địa phương chưa quan tâm phân bổ kinh phí để thực hiện công tác TGPL trên địa bàn.

Kết thúc khảo sát, Ban đã đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, xác định nguyên nhân và kiến nghị, đề xuất một số giải pháp đối với UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện tốt hơn nữa việc triển khai thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật và truyền thông về trợ giúp pháp lý cho hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian đến.

⁽²³⁾ Bình quân hàng năm tổ chức 4-5 Hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với khoảng 400 người tham dự.

⁽²⁴⁾ Công văn số 225/STP-PBGDPL ngày 18/3/2020 về việc cung cấp tài liệu và cử báo cáo viên pháp luật theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh; Công văn số 886/STP-PBGDPL ngày 07/9/2020 về việc cử báo cáo viên tham gia tuyên truyền tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới; Công văn số 723/STP-PBGDPL ngày 23/7/2020 về việc cử báo cáo viên cho Hội Nông dân tỉnh.

3.4. Tham gia Đoàn giám sát của HĐND, Thường trực HĐND tỉnh giám sát các chuyên đề theo chương trình, kế hoạch của HĐND, Thường trực HĐND tỉnh. Tham gia giám sát, khảo sát cùng Ban KT-NS.

- Tham gia 03 đợt giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh và 03 đợt giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh⁽²⁵⁾ tại các huyện, thành phố, các sở, ngành và UBND tỉnh. Tham gia cùng Ban KT-NS 01 đợt giám sát và 01 đợt khảo sát.

4. Các hoạt động khác

Lãnh đạo Ban tham gia đầy đủ các cuộc họp, giao ban của Thường trực HĐND tỉnh; các cuộc họp của UBND tỉnh và các sở, ngành liên quan đến các nội dung của Ban; phối hợp cùng với các Ban thẩm tra các nội dung trình Kỳ họp thứ 2,3 Khóa XII nhiệm kỳ 2021-2026 và 04 kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh Khóa XII.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Năm 2022 là năm thứ 2 thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ HĐND tỉnh 2021 - 2026. Sau đại dịch Covid-19 nhiều vấn đề nổi cộm cần xử lý và giải quyết, nhiều nội dung chương trình giám sát, khảo sát cần thực hiện. Tuy nhiên với sự nỗ lực, cố gắng các Ủy viên của Ban đã chủ động, phối hợp triển khai, hoàn thành chương trình công tác đề ra theo đúng tiến độ, quy trình quy định và đạt chất lượng, hiệu quả cao. Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của người đại biểu HĐND. Tham dự đầy đủ các kỳ họp định kỳ và chuyên đề của HĐND tỉnh, tham gia các đợt tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp của HĐND tỉnh; phối hợp tham gia thẩm tra, giám sát các báo cáo và dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp; tham gia chất vấn tại phiên chất vấn các kỳ họp. Thành lập đoàn, tiến hành giám sát, khảo sát thực tế 03 chuyên đề của Ban Dân tộc HĐND trong năm 2022 và tham gia đầy đủ các buổi giao ban của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Hạn chế và nguyên nhân

²⁵ 03 Chuyên đề của HĐND:

(1) Giám sát tình hình triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế và công tác khám chữa bệnh đối với người dân tộc thiểu số thuộc nhóm đối tượng được ngân sách Nhà nước đóng và hỗ trợ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*Kết quả giám sát tại báo cáo số 20/BC-ĐGS, ngày 04/7/2022*);

(2) Giám sát tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*Kết quả giám sát tại báo cáo số 40/BC-ĐGS, ngày 28/11/2022*);

(3) Giám sát tình hình triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch trồng rừng trên địa bàn tỉnh năm 2022;

Chuyên đề Thường trực HĐND tỉnh:

(1) Giám sát hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*Kết quả giám sát tại báo cáo số 19/BC-ĐGS, ngày 04/6/2022*);

(2) Giám sát tình hình hoạt động của Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Luật Hợp tác xã năm 2012 (*Kết quả giám sát tại báo cáo số 30/BC-ĐGS, ngày 04/10/2022*).

(3) Giám sát tình hình chỉ tiêu, nhiệm vụ đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh năm 2022

Một số Ủy viên của Ban hoạt động kiêm nhiệm nên chưa sắp xếp thời gian tham gia đầy đủ các đợt giám sát, khảo sát của Ban. Chưa chủ động nghiên cứu, đề xuất các nội dung liên quan của Ban đã gửi xin ý kiến thành viên.

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2023

Trong năm 2023, Ban Dân tộc HĐND tỉnh tập trung triển khai thực hiện các nội dung trọng tâm sau:

1. Tham gia các đợt tiếp xúc cử tri sau Kỳ họp thứ 4, trước và sau Kỳ họp thứ 5, trước Kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh Khóa XII.

2. Tham gia kỳ họp HĐND tỉnh lần thứ 5,6 và các Kỳ họp chuyên đề (*nếu có*); chuẩn bị nội dung theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh và theo luật định (*tham gia thảo luận tổ, giám sát tại kỳ họp, thẩm tra về nội dung các dự thảo nghị quyết, báo cáo của các đơn vị trình tại kỳ họp; chuẩn bị nội dung, tham gia phiên chất vấn...*).

3. Tổ chức giám sát, khảo sát chuyên đề

- Nội dung Giám sát, khảo sát của Ban năm 2023 cụ thể:

(1) Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số: 08/NQ-HĐND ngày 17/4/2020; 02/NQ-HĐND ngày 12/3/2021; 28/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 về đầu tư cơ sở hạ tầng tại các điểm định canh định cư tập trung theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ (*tại hai huyện Tu Mơ Rông và Đăk Glei*).

(2) Giám sát công tác xây dựng và triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (*giai đoạn I: 2021-2025*) trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*Mốc giám sát: năm 2022 - năm 2023*)

(3) Giám sát việc thực hiện bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (*Dự án 8*) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (*giai đoạn I: 2021-2025*) (*Mốc giám sát: năm 2022 - năm 2023*)

- Tham gia Chương trình giám sát, khảo sát năm 2023 của HĐND, Thường trực HĐND tỉnh theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

- Phối hợp tham gia giám sát, khảo sát theo chương trình giám sát, khảo sát năm 2023 của các Ban HĐND tỉnh đối với các chuyên đề có liên quan đến lĩnh vực Dân tộc.

4. Thực hiện một số nhiệm vụ, công tác khác theo chức trách, nhiệm vụ của đại biểu, của Ban theo quy định và khi được Thường trực HĐND tỉnh phân công.

5. Tổ chức học hỏi kinh nghiệm, mô hình triển khai chính sách dân tộc tại một số địa phương.

Trên đây là Báo cáo tình hình hoạt động của Ban năm 2022 và Chương trình công tác năm 2023 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- TT HĐND-UBND các huyện, TP;
- LH Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu VT, BDT_(Ba).

TM. BAN DÂN TỘC HĐND TỈNH
KT TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Ánh Tuyết